TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.

Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXX-ST ngày 15/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn H xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động nước ngoài không có địa chỉ)

Địa chỉ cuối cùng của anh Đặng Văn T tại Việt Nam: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Trước khi kết hôn chị và anh T được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nơi anh T đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Tháng 7/2015 anh T đi lao động tại Hàn Quốc. Sau khi anh T đi nước ngoài lao động vợ chồng vẫn hoàn thuận, vẫn gọi điện hỏi thăm nhau nhưng đến tháng 12/2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu về nước đoàn tụ với gia đình. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 12 năm 2020 đến nay chị và anh T không còn gọi điện hỏi thăm sức khỏe của nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đặng Khang L, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Đặng Phú C, sinh ngày 12/5/2016. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung sau khi ly hôn. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Văn T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 15/11/2021 và 29/11/2021: ông Đặng Văn Hlà bố đẻ anh Đặng Văn T cho biết anh T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Về quan hệ hôn nhân ông cho biết: Chị H, anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H về nhà ông làm dâu ngay và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Tháng 5/2012 anh T đi lao động tại Hàn Quốc, tháng 6/2014 về nước thăm gia đình, tháng 8/2014 lại đi lao động, tháng 6/2015 về thăm gia đình, tháng 9/2015 tiếp tục đi lao động đến nay chưa về. Khoảng cuối tháng 9/2021 ông thấy chị H có mâu thuẫn với anh T và chuyển về nhà đẻ sinh sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Việc chị H có đơn xin ly hôn anh T gia đình cũng nhất trí do anh T và chị H không còn tình cảm; về con chung: Vợ chồng chị H anh T có 02 con chung là cháu Đặng Khang L, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Đặng Phú C, sinh ngày 12/5/2016; về tài sản chung, công nợ ông không biết.

Cháu Đặng Khang L trình bày: Cháu được biết bố mẹ cháu đang xin ly hôn, cháu có ý kiến cháu hiện đang ở cùng mẹ cháu được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt vì vậy bố mẹ cháu ly hôn cháu xin ở cùng với mẹ.

Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Thu H; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Đặng Văn T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Đặng Văn T không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H.

Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đặng Văn T.

Về con chung: Do anh T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu Đặng Khang L, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Đặng Phú C, sinh ngày 12/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viên kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Đặng Văn T. Theo Công văn trả lời số 26098/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 03/11/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh T xuất cảnh ngày 10/9/2015 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, anh T được xác định là đang ở nước ngoài. Theo lời khai của nguyên đơn, bố đẻ bị đơn thì nơi cư trú cuối cùng của anh T ở Việt Nam trước khi xuất cảnh lần gần nhất là thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh

Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự trọng vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H.

Đối với bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh T là ông Đặng Văn H để giao thông báo thụ lý vụ án và đề nghị ông H thông báo cho anh T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ giải quyết vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn T. Ông H cho biết anh T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh T tại Hàn Quốc. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn, nên xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2008 tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H với anh Đặng Văn T. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống với nhau được một thời gian, sau đó anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Đến cuối năm 2020 do bất đồng quan điểm sống nên chị H về nhà đẻ sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc với nhau kể từ đó. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Do đó, cần xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Đặng Khang L, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Đặng Phú C, sinh ngày 12/5/2016. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị H và do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H: Hội đồng xét xử thấy hiện nay anh T đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hiện nay cháu L, cháu C vẫn do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tình thần, được đi học đầy đủ. Mặt khác, cháu L trên 07 tuổi có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Nên căn cứ điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của

chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị được nuôi 02 con chung là cháu Đặng Khang L, Đặng Phú C. Giao cho chị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Đặng Khang L, sinh ngày 08/11/2009 và Đặng Phú C, sinh ngày 12/5/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Sau khi ly hôn anh Đặng Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp anh Đặng Văn T về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Khang L, sinh ngày 08/11/2009 và Đặng Phú C, sinh ngày 12/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Đặng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn*

đồng) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000148 ngày 27/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Thu H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Đặng Văn T hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã T, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)

Hoàng Thị Thu Hiền